

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2020/HNGĐ-PT**
Ngày: 10 - 01 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Ông Nguyễn Thành Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Nguyễn Văn Sạch - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 01 tháng 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2019/TLPT- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 51/2019/HNGĐ-ST, ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 259/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp B, xã BT, huyện ANH L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Anh Dương Thanh L, sinh năm 1992. Địa chỉ: khóm A, phường A, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Trần Việt H -luật sư văn phòng luật sư VH thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người kháng cáo: Anh Dương Thanh L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày: Vào năm 2011, chị Đ kết hôn với anh Dương Thanh L và được Ủy ban nhân dân xã Ba Trinh, huyện KS,

tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/3/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với cha mẹ chồng tại Khóm A, Phường A, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Văn Đ (nam) sinh ngày 11/8/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần dần phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường tranh chấp cãi vã nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, không khắc phục được làm cho hôn nhân không còn hạnh phúc nữa. Từ năm 2018, chị Đ đã về sống với cha mẹ ruột của chị Đ cho đến nay.

Nay chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Hồng Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Dương Thanh L.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị Hồng Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Văn Đ (nam) sinh ngày 11/8/2012 đến đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện chị Đ yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm chị Đ rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Dương Thanh L trình bày như sau: Anh L kết hôn với chị Nguyễn Thị Hồng Đ, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, trong quá trình chung sống có một con chung là Dương Văn Đ (nam) sinh ngày 11/8/2012. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên không còn hạnh phúc nữa, chị Đ đã bỏ về sống với cha mẹ ruột của chị Đ ở KS từ năm 2018 đến nay. Tuy nhiên, con chung là cháu Đ từ nhỏ đã sống với anh và bà nội cho đến tháng 9 năm 2019 chị Đ mới đưa cháu Đ về sống ở KS. Đối với yêu cầu của chị Đ thì anh L có ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Dương Thanh L đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng Đ.

- Về con chung: Anh Dương Thanh L cho rằng từ khi cháu Đ còn nhỏ, chị Đ đã gửi cháu Đ cho mẹ ruột của anh nuôi dưỡng đến tháng 9/2019 mới đưa cháu Đ về ngoại và gửi cho ông bà ngoại. Cháu Đ đã quen thuộc cuộc sống ở nhà nội, anh L lại sống tại nhà, có kinh doanh, điều kiện kinh tế đầy đủ, môi trường sống tại trung tâm thị xã VC rất thuận tiện việc học hành đi lại cho cháu Đ. Trong khi đó, chị Đ đi làm ở Bình Dương, điều kiện kinh tế khó khăn, không trực tiếp chăm sóc cho con được, phải gửi con cho ông bà ngoại, nhà ông bà ngoại ở quê, đi lại khó khăn, không đảm bảo điều kiện học hành tốt cho con. Do đó, anh L yêu cầu được trực tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dương Văn Đ (nam) sinh ngày 11/8/2012 đến đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ý kiến của cháu Dương Văn Đ: Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/8/2019 cháu Dương Văn Đ trình bày nguyện vọng muốn sống cùng cha, tuy nhiên sau đó cháu Đ thay đổi ý kiến, nguyện vọng muốn sống cùng mẹ.

Vụ án được Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm. Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 51/2019/HNGĐ-ST ngày 16-10-2019 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Hồng Đ được ly hôn với anh Dương Thanh L.

- Về quyền nuôi con chung: giao chị Nguyễn Thị Hồng Đ được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dương Văn Đ (nam) sinh ngày 11/8/2012 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu Đ.

Trong thời gian chị Đ nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị Đ không yêu cầu nên ghi nhận ý chí tự nguyện của chị Đ về việc không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Đ, chị Đ có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh L có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh L cùng khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 anh Dương Thanh L kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 51/2019/HNGĐ-ST ngày 16-10-2019 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo hướng giao cháu Đ cho anh L nuôi dưỡng và không yêu cầu mẹ cháu cấp dưỡng nuôi con với các lý do: Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm anh L có cung cấp 01 thẻ nhớ trong đó có 03 đoạn clip IMG_5565, IMG_5564_002, IMG_5566 trong đó có nội dung thể hiện mẹ cháu Đ và ông bà ngoại cháu hù dọa cháu nên cháu thay đổi ý kiến muốn về sống cùng mẹ nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét; khi tiến hành xác minh tại trường Mần non 1/6 Tòa án chưa xác minh người trực tiếp quản lý, chăm sóc cháu Đ là chưa thu thập chứng cứ đầy đủ; nguyên đơn chị Đ cho rằng anh L không cho cháu Đ đi học là không đúng vì thời điểm đó cháu Đ về bên nội chơi là thời điểm được nghỉ hè; chị Đ không có chứng cứ chứng minh đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng cháu Đ phát triển tốt nhất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu theo đơn kháng cáo và các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày, phân tích đánh giá chứng cứ và đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu chứng cứ theo kháng cáo của anh Dương Thanh L.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa phúc thẩm trình bày: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm là đúng trình tự tố tụng. Về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên cho rằng kháng cáo của bị đơn Dương Thanh L không có căn cứ để chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo ngày 30-10-2019 của bị đơn anh Dương Thanh L nộp qua đường bưu chính là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

[2] Về quan hệ tranh chấp theo đơn khởi kiện chị Đ yêu cầu ly hôn với anh L, về con chung yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng nên Tòa án cấp sơ thẩm khi thụ lý xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng” theo quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm chị Đ và anh L không ai yêu cầu về vấn đề cấp dưỡng nuôi cháu Đ nên cần xác định lại quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại quan hệ tranh chấp cho phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn anh Dương Thanh L yêu cầu được trực tiếp nuôi con thì thấy:

[3.1] Anh L cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng trong việc đánh giá chứng cứ quy định tại Điều 108 Bộ luật tố tụng dân sự vì không xem xét đến chứng cứ anh L cung cấp là thẻ nhớ có thể hiện nội dung cháu Đ bị hù dọa nên có sự thay đổi nguyện vọng. Xét thấy, thẻ nhớ có chứa các đoạn clip là tài liệu nghe được, nhìn được, căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*tài liệu nghe được, nhìn được được coi là chứng cứ nếu được xuất trình kèm theo văn bản trình bày của người có tài liệu đó về xuất xứ của tài liệu nếu họ tự thu âm, thu hình...*”. Anh L cung cấp thẻ nhớ có trình bày: “*vào ngày 25/8/2019 anh vô tình phát hiện vợ anh và cha mẹ vợ anh đã hù dọa*

con anh làm con anh rất sợ hãi nên mới thay đổi ý kiến khi Tòa án lấy lời khai con anh lần thứ hai”. Qua xem xét nội dung đoạn ghi âm do anh L cung cấp thì thấy rằng trong đoạn clip có hình ảnh đưa trẻ theo anh L cho rằng đó là cháu Đ và có nghe giọng nói của một người đàn ông và một người phụ nữ khi nghe nội dung nói chuyện thì biết rằng giọng người đàn ông là cha cháu bé, còn người phụ nữ là bà mẹ (nghe cháu gọi). Đoạn clip không có mẹ cháu, cũng như ông bà ngoại cháu và không thể hiện việc mẹ cháu và ông bà ngoại cháu hù dọa làm bé sợ mà chỉ thể hiện nội dung nói chuyện giữa ba người cháu Đ, cha cháu Đ và bà mẹ cháu Đ, những người lớn hỏi chuyện về việc cháu Đ thay đổi ý kiến, cháu muốn theo ai, ...nhưng qua nội dung cháu không thể hiện cụ thể muốn theo ai. Đồng thời, tại cấp sơ thẩm việc lấy lời khai của cháu đều có sự chứng kiến của anh L và chị Đ cháu đã thể hiện ý kiến cuối cùng của cháu là muốn theo mẹ. Nội dung đoạn clip thể hiện anh L hỏi cháu Đ về việc thay đổi ý kiến của cháu, cháu lại chỉ mới 08 tuổi nên việc anh L hỏi cháu như vậy là không khách quan, không đảm bảo quyền lợi của cháu. Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến nội dung thể nhớ là có căn cứ vì đây chỉ là tài liệu tham khảo khi giải quyết vụ án. Mặc khác, theo nguyện vọng của cháu Đ thì cháu muốn sống cùng mẹ.

[3.2] Ngoài ra, theo anh L trình bày thì thu nhập của chị Đ không đảm bảo nuôi dưỡng cháu Đ được phát triển tốt nhất. Nguyện vọng được nuôi con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ khi ly hôn, xét về điều kiện hiện nay thì cả anh L và chị Đ đều có điều kiện chăm sóc tốt cho cháu Đ. Hiện nay, cháu Đ đang sống với mẹ (chị Đ) và ông bà Ngoại, cháu đang được đi học tại Trường Tiểu học Ba Trinh 3, cháu học ở trường hòa hợp cùng bạn bè và thoải mái, đồng thời, cháu Đ có nguyện vọng muốn sống cùng mẹ để đi học. Đồng thời, hiện nay thể chất của cháu Đ cũng phát triển tốt theo giấy khám sức khỏe chị Đ cung cấp ngày 23/12/2019. Xét thấy, nguyện vọng của cháu Đ là muốn ở cùng mẹ, quá trình nuôi dưỡng chăm sóc cháu Đ chị Đ không vi phạm nghĩa vụ của người mẹ đối với con, để tránh sự xáo trộn tâm lý do thay đổi môi trường sống và không làm ảnh hưởng đến việc học tập của cháu Đ nên cần ổn định cuộc sống hiện nay cho cháu, vì vào năm 2018 cháu Đ đã một lần dang dở việc học do hết học kỳ 1 của lớp 1 thì gia đình anh L đưa cháu về nhà chơi nội chơi và không đưa cháu về nhà ngoại hay chuyển trường cho cháu để cháu học tiếp mà cho cháu nghỉ học nên năm 2019 cháu phải học lại lớp 1, đáng lẽ độ tuổi của cháu phải được học lớp 2. Vì vậy, cấp sơ thẩm xem xét về quyền lợi, cũng như nguyện vọng của cháu và giao cháu Dương Văn Đ cho chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ.

[3.3]. Anh Dương Thanh L kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để xem xét yêu cầu của anh L.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Dương Thanh L, cũng như lời đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Dương Thanh L và chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình số 51/2019/HNGĐ-ST ngày 16-10-2019 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Dương Thanh L phải chịu án phí 300.000 đồng vì kháng cáo của anh L không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Dương Thanh L.

[2] Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 51/2019/HNGĐ-ST ngày 16-10-2019 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Hồng Đ được ly hôn với anh Dương Thanh L.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao chị Nguyễn Thị Hồng Đ được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dương Văn Đ (nam) sinh ngày 11/8/2012 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu Đ.

Trong thời gian chị Đ nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu nên ghi nhận ý chí tự nguyện của chị Đ về việc không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Đ, chị Đ có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh L có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh L cùng khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007887 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Dương Thanh L chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000593 ngày 08/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, anh L đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VANH LND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THA.DS thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Tôn Thị Thanh Thúy